TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂY HỒ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **.4**/2022/QĐST-HNGĐ	*Tây Hồ, ngày 08 tháng 02 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂY HỒ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Điều 212, 21. và Điều .9. Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82 và Điều 8. Luật hôn nhân và gia đình năm 20.;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số .26/2016/UBTVQH. ngày .0.12.2016 của Ủy bA1 thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18/01/2022.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 06/2022/TLST-HNGĐ ngày 12/01/2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

- Chị Nguyễn Kim A, sinh năm 1999; HKTT và cư trú: Tổ ., cụm ., phường T L (số mới: tổ ., phường T L), quận Tây Hồ, TP Hà Nội.

- **A Lê B A1, sinh năm 1999;** HKTT và cư trú: Số 22B/164/41 V T V, phường T Trung, quận ThA X, TP Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Kim A và A Lê B A1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 24/02/2020 tại Ủy bA1 nhân dân phường T Trung, quận ThA X, TP Hà Nội, xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

A, chị cùng xác nhận ngay sau khi kết hôn vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng trong quA1 điểm, lối sống. A, chị cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị Kim A và A A1 là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[2] Về con chung: Chị Kim A và A A1 cùng xác nhận A chị có 01 con chung là cháu Lê Trọng K, sinh ngày 2./02/2020. A, chị thỏa thuận: Sau khi ly hôn chị Kim A trực tiếp nuôi dưỡng con chung. A A1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung ..000.000đ(ba triệu đồng)/tháng, từ tháng 01/2022 đến khi con chung thành niên, đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định thay đổi khác. A A1 được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[.] Về tài sản, công nợ chung: A A1, chị Kim A cùng xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[.] Về lệ phí: Chị Kim A tự nguyện nộp toàn bộ .00.000đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm chị Kim A đã nộp tại biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số 00.. ngày 12/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Tây Hồ.

Đã hết thời hạn 0. ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quA1 hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Kim A và A Lê B A1 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Nguyễn Kim A và A Lê B A1 có 01 con chung là cháu Lê Trọng K, sinh ngày 2./02/2020.

Giao chị Nguyễn Kim A trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Trọng K. Ghi nhận sự tự nguyện của A Lê B A1 cấp dưỡng nuôi con chung ..000.000đ (ba triệu đồng)/tháng, từ tháng 01 năm 2022 đến khi con chung thành niên, đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định thay đổi khác. A A1 được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản, công nợ chung: A A1, chị Kim A cùng xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Kim A tự nguyện nộp toàn bộ .00.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền chị Kim A đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 00.. ngày 12/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Tây Hồ.

.. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được bA1 hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Tây Hồ;
- UBND phường T Trung, q. ThA X, HN (đăng ký kết hôn số .8/2020);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN…….(1) **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: ……../……/QĐST-HNGĐ(2)	*……, ngày ….. tháng …. năm …….*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN

VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN ……..

Căn cứ(.)……. Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ(4)…….. Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số .26/2016/UBTVQH. ngày .0-12-2016 của Ủy bA1 Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số…../…../TLST-HNGĐ(5) ngày ….tháng …..năm….. về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*(6).....

.....

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quA1:*(.).....

.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:(8)

[1].....

.....

[2].....

.....

Đã hết thời hạn 0. ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quA1 hệ hôn nhân: .....

.....

- Về con chung: .....

.....

- Về tài sản chung: .....

.....

- Về các vấn đề khác:.....

.....

2. Về lệ phí Tòa án: .....

.. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được bA1 hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quA1 đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số .1-VDS:</u>

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra Quyết định.

(.) và (4) Ghi điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Hôn nhân và Gia đình.

(5) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm thụ lý việc hôn nhân và gia đình.

(6) Ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú của người yêu cầu;

(.) Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là cơ quA1, tổ chức thì ghi tên cơ quA1, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quA1, tổ chức đó.

(8) Ghi nhận định của Tòa án về những nội dung mà các đương sự thỏa thuận được theo Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].